

# ACB 3219CP

## PHỤ GIA TRỢ NGHIÊN HOẠT TÍNH

Tăng cường tuổi sớm và tuổi muộn của xi măng.

### THUỘC TÍNH SẢN PHẨM:

- Tăng năng suất máy nghiền, giảm chi phí năng lượng nghiền.
- Tăng cường độ tuổi sớm và tuổi muộn.
- Cải thiện tính chất vật lý của nguyên liệu.
- Tăng tính linh động của xi măng trong quá trình vận chuyển.
- Tăng khối lượng thể tích xi măng làm tăng hiệu quả lưu kho.

### ỨNG DỤNG:

- Nghiền xi măng theo tiêu chuẩn EN197-1 loại I đến V, và xi măng cao nhôm.
- Nghiền các chủng loại xi măng theo ASTM.
- Nghiền các chủng loại xi măng theo TCVN.
- Phù hợp với máy nghiền bi, nghiền đứng và Horromill.

### GHI CHÚ:

- **ACB 3219CP** là chất trợ nghiền hoạt tính được thiết kế đặc biệt để tăng năng suất các trạm nghiền và thúc đẩy tăng cường độ cho xi măng thành phẩm giúp giảm tỷ lệ Clinker/ xi măng.
- Tăng năng suất máy nghiền (từ 8% đến 15%), tăng cường độ tuổi sớm và tuổi muộn của xi măng (từ 10% đến 15%). Do đó cho phép giảm hàm lượng Clinker từ 3% đến 8%.
- Cải thiện hiệu quả của máy nghiền chu trình kín nhờ ngăn hiện tượng bám dính trên thiết bị nghiền, vách ngăn và lớp lót mà vẫn đảm bảo độ mịn của xi măng. Do hiện tượng tái kết tụ của các hạt sau nghiền giảm, lượng hồi lưu về máy nghiền giảm từ đó nâng cao hiệu quả trợ nghiền.
- Khối lượng thể tích của xi măng tăng và tăng tính linh động của xi măng trong quá trình vận chuyển.
- Có thể được bơm trực tiếp vào máy nghiền hoặc lên băng tải vận chuyển nguyên liệu trước máy nghiền.
- Tuyệt đối không pha trộn với các sản phẩm khác.
- Có thể dùng với tất cả các loại xi măng tiêu chuẩn cũng như xi măng bẽn sulfat.
- Không chứa các chất độc hại, an toàn khi sử dụng với các nguyên tắc an toàn trong xây dựng. Ví dụ như sử dụng găng tay, kính an toàn,...
- Tránh tiếp xúc với thực phẩm và đồ dùng. Tránh tiếp xúc lâu với da. Trong trường hợp nhiễm bẩn, cần rửa kỹ bằng nước. Khi bị văng lên mắt hoặc miệng, cần rửa kỹ bằng nước sạch và tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
- Để nơi khô thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp.

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT:**

Đặc điểm	Đơn vị	Thông số	Nhận xét
Tỷ trọng	kg/dm <sup>3</sup>	1.02 ± 1.10	
Liều lượng	kg	0.3 – 0.4	Trên 1000 kg xi măng
PH (20°C)	°C	9.0 ± 11.5	
Hàm lượng Kiềm	%	< 1.0	NaO quy đổi

**ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM:**

Tiêu chuẩn	Phù hợp với tiêu chuẩn ASTM C465-16
Màu sắc	Nâu đen
Dạng	Chất lỏng
Hạn sử dụng	12 tháng
Hình thức đóng gói	Phuy 200 L 1000 L IBC Xe chuyên dụng

**Lưu ý:** Các sản phẩm được dựa trên các kết quả kiểm tra trong phòng thí nghiệm và có thể thay đổi theo thực tế. Để xác định tính phù hợp kỹ thuật của từng sản phẩm, các thông số cần được thực hiện theo các điều kiện áp dụng, mục đích ứng dụng và đặc biệt là điều kiện tại hiện trường. Dữ liệu đưa ra dựa trên các quy tắc kỹ thuật được chấp thuận và đã được theo dõi trong quá trình ứng dụng. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong các điều khoản và điều kiện được thỏa thuận trong việc bán hàng, giao hàng và dịch vụ của mình. Các khuyến nghị của nhân viên liên quan đến số liệu trong bảng trên chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản. Các quy tắc về kỹ thuật bắt buộc phải được thực hiện.

Phiên bản **11/23** đã có một số thay đổi về thông tin kỹ thuật. Các phiên bản trước không còn giá trị sử dụng. Phiên bản này có giá trị cho đến khi ấn bản mới được phát hành.